

1. Hỗ trợ huy động vốn

Khai thác và huy động hợp lý các nguồn vốn luôn là một nhiệm vụ trung tâm, một ưu tiên hàng đầu trong chiến lược phát triển doanh nghiệp (DN) nói chung và doanh nghiệp vừa và nhỏ (DNVVN) nói riêng. Việc huy động vốn của các DNVVN tồn tại và phát triển dưới nhiều hình thức khác nhau, phụ thuộc vào trình độ phát triển của hệ thống tài chính ngân hàng và chính sách kinh tế của mỗi nước. Song về cơ bản, các hình thức huy động vốn đó không nằm ngoài các hình thức huy động chủ yếu như: tín dụng thương mại, tín dụng ngân hàng, phát hành cổ phiếu, trái phiếu, tín dụng thuế mua và các hình thức huy động phi chính thức khác. Tùy theo tính đặc thù riêng của mỗi nước, người ta thường áp dụng các chính sách hỗ trợ huy động vốn khác nhau đối với các DNVVN nhằm giúp DN tăng cường khả năng tiếp cận các nguồn vốn.

triển thành công của các DNVVN.

2. Kinh nghiệm ở các nước

Chẳng hạn như đối với nước Đức, khu vực DNVVN đóng một vai trò rất quan trọng trong nền kinh tế Đức, nó tạo ra gần 50% GDP, chiếm hơn một phần hai doanh thu chịu thuế của các DN, cung cấp các loại hàng hóa và dịch vụ đáp ứng nhu cầu đa dạng của người tiêu dùng trong và ngoài nước. Để đạt được những thành tựu đó, chính phủ Đức đã áp dụng hàng loạt chính sách và chương trình thúc đẩy DNVVN trong việc huy động các nguồn vốn.

Công cụ chính để thực hiện các chính sách và chương trình hỗ trợ này là thông qua các khoản tín dụng ưu đãi, có sự bảo lãnh của nhà nước. Các khoản tín dụng này được phân bổ ưu tiên đặc biệt cho các dự án đầu tư thành lập DN, đổi mới công nghệ và vào những khu vực kém phát triển trong nước. Do phần lớn các DNVVN không đủ tài sản thế chấp để có thể

Loan chiếm khoảng 96% tổng số DN. Chúng tạo ra khoảng 40% sản lượng công nghiệp, hơn 50% giá trị xuất khẩu và chiếm hơn 70% chỗ làm việc. Để đạt được những thành tựu đó, Đài Loan đã dành nhiều nỗ lực trong việc xây dựng và thực thi các chính sách hỗ trợ huy động vốn cho các DNVVN. Cho đến nay, rất nhiều ngân hàng nhà nước và tư nhân ở Đài Loan đứng ra tài trợ cho các DNVVN. Bộ tài chính Đài Loan có quy định một tỷ lệ tài trợ nhất định cho các DNVVN và tỷ lệ này có xu hướng tăng dần sau mỗi năm. Đồng thời cũng lập ra 3 quỹ là: Quỹ phát triển, Quỹ Sino - US và Quỹ phát triển DNVVN nhằm tài trợ cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của các DNVVN thông qua các ngân hàng trên. Nhận thức được sự khó khăn của các DNVVN trong việc thế chấp tài sản vay vốn ngân hàng, năm 1974 đã thành lập Quỹ bảo lãnh tín dụng. Nguyên tắc hoạt động của quỹ này là cùng chia sẻ rủi ro với các

CHÍNH SÁCH HUY ĐỘNG VỐN ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

VŨ BÁ ĐỊNH

Theo thống kê, ở nước ta hiện nay DNVVN chiếm tỷ lệ hơn 80% trong tổng số DN toàn quốc. Các DNVVN này là một trong những nguồn động lực mạnh mẽ tạo nên sự tăng trưởng liên tục của nền kinh tế, phát triển các ngành công nghiệp bổ trợ đối với các ngành công nghiệp mũi nhọn như chế tạo máy, điện tử và một số ngành khác, góp phần cải thiện cán cân thanh toán nhờ việc tăng xuất khẩu hàng hóa thành phẩm, thay thế hàng hóa nhập khẩu bằng các hàng hóa sản xuất trong nước và tạo ra việc làm chủ yếu cho hơn 80% lực lượng lao động ở các nông thôn và thành thị. Mặt khác, việc xóa đói giảm nghèo; CNH, HĐH nông nghiệp nông thôn, giảm sự chênh lệch giữa nông thôn và thành thị cũng có sự đóng góp của DNVVN. Nhật Bản và các nước châu Á láng giềng khác đánh giá cao vai trò của DNVVN trong quá trình phát triển kinh tế của họ; và xét theo quan điểm thúc đẩy kinh tế thị trường thì tất cả những nước này đều tích cực khuyến khích phát triển các DNVVN ngay từ giai đoạn ban đầu. Đối với các nước này, chính sách hỗ trợ huy động vốn đã góp phần không nhỏ đến sự phát

nhận được khoản tín dụng lớn bên cạnh các khoản tín dụng ưu đãi, ở Đức còn phát triển khá phổ biến các tổ chức bảo lãnh tín dụng. Những tổ chức này được thành lập và bắt đầu hoạt động từ những năm 1950 với sự hợp tác chặt chẽ của các phòng thương mại, hiệp hội DN, ngân hàng và chính quyền liên bang. Nguyên tắc hoạt động cơ bản là vì khách hàng, DNVVN nhận được khoản vay từ ngân hàng với sự bảo lãnh của một tổ chức bảo lãnh tín dụng. Nếu DN làm ăn thua lỗ, tổ chức này sẽ có trách nhiệm hoàn trả khoản vay đó cho ngân hàng. Ngoài ra, các khoản vay này có thể được chính phủ tái bảo lãnh. Với các cơ chế và chính sách hỗ trợ như vậy, các DNVVN ở Đức đã khắc phục được khá nhiều khó khăn trong quá trình huy động vốn.

Đối với Đài Loan lại có những khác biệt. Ngay trong giai đoạn đầu phát triển kinh tế, Đài Loan đã áp dụng nhiều biện pháp chính sách khuyến khích phát triển các DNVVN trong một số ngành sản xuất như: nhựa, dệt, kính, xi măng, gỗ. Năm 1981, Đài Loan đã thành lập ra Cục quản lý DNVVN thuộc Bộ kinh tế. Hiện nay, số lượng DNVVN ở Đài

tổ chức tín dụng. Các tổ chức tín dụng đã ngày càng tin tưởng hơn vào việc tài trợ cho vay đối với các DNVVN. Kể từ khi thành lập tới nay, quỹ đã bảo lãnh cho 1,3 triệu trường hợp với tổng số vốn cho vay rất lớn. Ngoài ra, Đài Loan còn áp dụng nhiều biện pháp khác như: giảm lãi suất đối với những khoản vay phục vụ mục đích mua sắm máy móc thiết bị, đổi mới công nghệ, phát triển sản xuất và nâng cao tính cạnh tranh, mời các chuyên gia đến giúp DNVVN nhằm tối ưu hóa cơ cấu vốn và tăng cường các điều kiện vay vốn.

Trong kế hoạch phát triển tổng thể lần thứ hai của Malaysia (1991 - 2000) đã khẳng định rõ vai trò của các DNVVN trong công cuộc hiện đại hóa đất nước. Do vậy, trong thời kỳ này chính phủ đã thông qua chương trình hỗ trợ phát triển DNVVN như các chương trình về thị trường và hỗ trợ kỹ thuật, chương trình cho vay ưu đãi, chương trình công nghệ thông tin... Mục đích của chương trình cho vay là nhằm giúp các DNVVN có được một lượng vốn cần thiết để thúc đẩy tự động hóa và hiện đại hóa, để cải tiến chất lượng và phát triển cơ sở hạ tầng trong các ngành sản xuất phụ

tùng ô tô, linh kiện điện, điện tử, máy móc, nhựa, dệt, đồ gỗ, lương thực thực phẩm... Chương trình này được thực hiện theo kế hoạch phân bổ hàng năm của Malaysia thông qua Quỹ cho vay ưu đãi, cấp tín dụng trực tiếp cho các nhà sản xuất là các DNVVN thuộc các lĩnh vực ưu tiên nói trên.

Ở Nhật Bản, các chính sách về DNVVN được hình thành từ những năm 1950, trong đó dành sự chú ý đặc biệt với việc hỗ trợ tài chính nhằm giúp các DNVVN tháo gỡ những khó khăn, cản trở việc tăng vốn trong quá trình sản xuất kinh doanh như khả năng tiếp cận tín dụng thấp, thiếu sự bảo đảm về vốn vay... các biện pháp hỗ trợ này được thực hiện thông qua hệ thống hỗ trợ tín dụng và các tổ chức tài chính công cộng phục vụ DNVVN. Hệ thống hỗ trợ tín dụng giúp cho các tổ chức tín dụng tin nhận thông qua sự bảo lãnh của Hiệp hội bảo lãnh tín dụng trên cơ sở hợp đồng bảo lãnh. Ngoài ra, còn có 3 tổ chức tài chính công cộng khác. Đó là Công ty tài chính DNVVN, Công ty tài chính nhân dân và Ngân hàng Shoko Chukin do chính phủ đầu tư thành lập toàn bộ hoặc một phần nhằm tài trợ với cho các DNVVN để đổi mới máy móc thiết bị và hỗ trợ vốn lưu động dài hạn để mở rộng và phát triển sản xuất kinh doanh.

3. Vận dụng cho Việt Nam

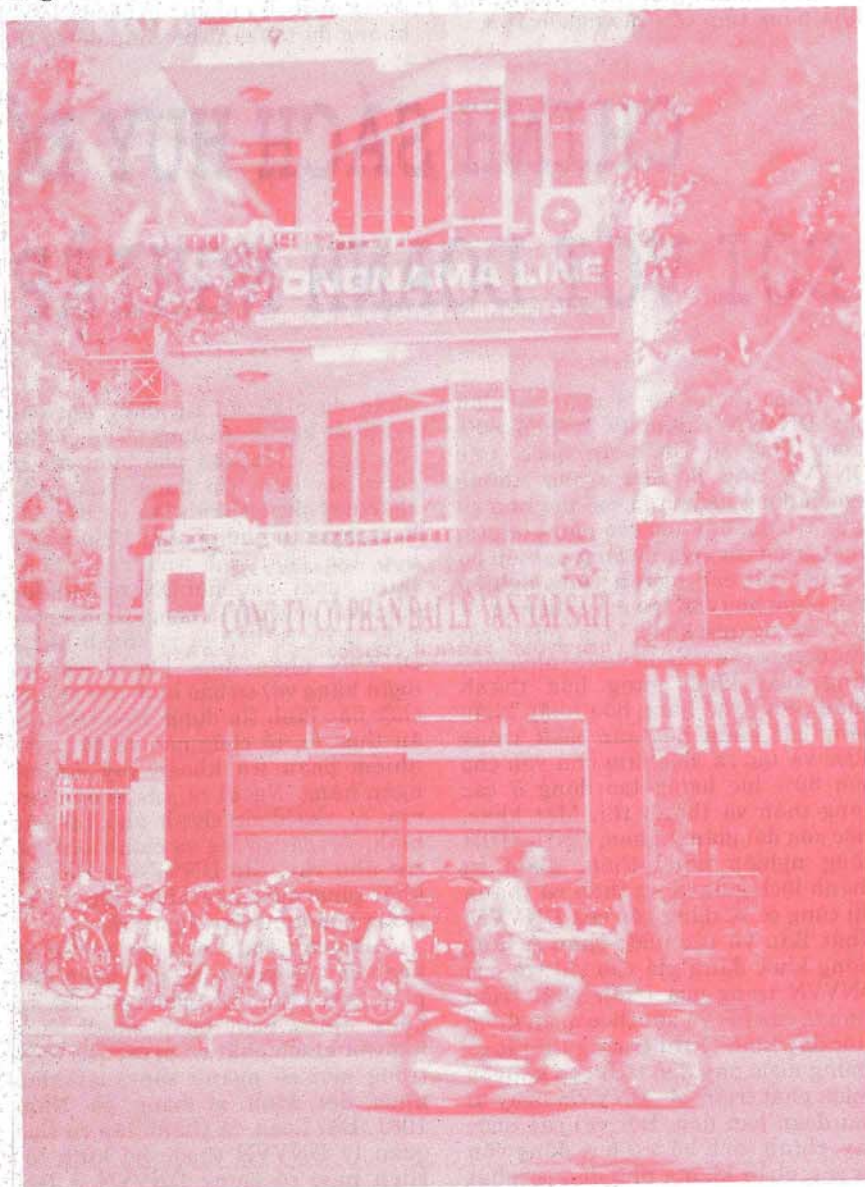
Do đặc thù riêng của DNVVN ở VN và xét trong hoàn cảnh chung của nền kinh tế, hiện tại DNVVN đang đứng trước những khó khăn cần tháo gỡ và quá trình phát triển DNVVN đã và đang bộc lộ một số hạn chế chủ yếu. Đó là do quá trình phát triển DNVVN còn ngắn, đang trong giai đoạn khởi đầu nên khả năng tích lũy vốn còn hạn chế. Theo đánh giá của Phòng thương mại và công nghiệp VN, tình trạng thiếu vốn đang là khó khăn lớn nhất đối với các DN. Các DN lâm vào tình trạng khó khăn về tài chính trước hết do bản thân các DN thiếu tài sản thế chấp ngân hàng trong khi đó mức cho vay dường như vẫn bị hạn chế. Do vậy, các DNVVN cũng như các DN hoạt động độc lập có kế hoạch mở rộng sản xuất thì họ lại thiếu vốn để đưa các kế hoạch đó vào thực hiện. Hơn nữa, do hầu hết các khoản vay đều là ngắn hạn với lãi suất cao nên các DNVVN cho dù được phép vay vẫn khó tìm được nguồn vốn trung và dài hạn. Bên cạnh đó, hiện nay chưa có đủ các quy định pháp lý đảm bảo cho các DN của ta có thể tiếp cận thường xuyên, nhằm tiến tới khả năng vay vốn từ các tổ chức tài chính bên ngoài một cách rộng rãi và ổn định hơn.

Khó khăn tiếp theo cũng bắt nguồn từ nguồn vốn hạn hẹp của các DN nên các DN không có điều kiện

đầu tư đổi mới trang thiết bị, nâng cấp công nghệ sản xuất để mở rộng năng lực sản xuất. Do đó, năng suất lao động nói chung còn thấp, chất lượng sản phẩm nói chung chưa đáp ứng được yêu cầu thị trường. Trên thực tế, có rất nhiều DN hiện đang sử dụng trang thiết bị không đồng bộ và hỗn tạp do nhiều nước sản xuất.

Bởi vậy, nhà nước cũng nên khuyến khích phát triển quỹ tín dụng ở những nơi có nhu cầu và đủ điều kiện để tạo thêm kênh "rót" vốn cho các DN. Giải pháp quan trọng nhất và vì mục tiêu lâu dài của DN là làm sao đảm bảo vốn trung và dài hạn đối với các DN. Hiện nay đã có một số công ty cho thuê tài chính ra đời với chức năng cho thuê tài chính. Đây là mô hình tài trợ vốn trung và dài hạn cho các DN, đặc biệt là đối với các DNVVN ở trong tình trạng thiếu vốn, mà nhiều nước áp dụng đã thành công.

Với những kinh nghiệm trên, mặc dù Đức, Đài Loan, Malaysia và Nhật Bản có chênh lệch nhau về trình độ phát triển kinh tế song chính phủ các nước này đều dành một sự quan tâm đặc biệt trong chính sách hỗ trợ huy động vốn đối với các DNVVN. Thực tế đã chứng tỏ sự thành công của các chính sách hỗ trợ này. Do đó, đây có thể là những bài học, kinh nghiệm tham khảo hay mô hình chính sách mà VN có thể tham khảo, vận dụng để tìm ra những giải pháp thích hợp giúp các DNVVN phát triển hơn nữa, đặc biệt là trong bối cảnh VN đang tham gia thực hiện đầy đủ các cam kết của AFTA trong vài năm sắp tới. Vài năm để chuẩn bị và hội nhập chỉ là khoảng thời gian ngắn ngủi với rất nhiều khó khăn đang ở phía trước. Thời thế đã và đang đặt ra cho các DNVVN VN trước sự lựa chọn khắc nghiệt tồn tại hay phá sản ■



Ảnh Nguyễn Ngọc Đạo